

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-PT
Ngày 31 tháng 7 năm 2025
V/v: Tranh chấp yêu cầu mở lối đi chung; yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân
phẩm, uy tín bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc
thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành
phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên cao
cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân
tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai
vụ án dân sự thụ lý số 357/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 về
"Tranh chấp yêu cầu mở lối đi chung; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm
phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm
2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2025/QĐ-PT
ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Châu Thị C, sinh năm 1967; vắng mặt.

2. Bà Châu Thị B, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khóm C, phường V, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị C và bà Châu Thị B: Ông Đoàn Tấn P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm A, phường V, thành phố Cần Thơ) (theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Châu Thị C và bà Châu Thị B: Ông Nguyễn Văn Ú là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Danh T, sinh năm 1963; vắng mặt.

2. Bà Dương Mỹ H1, sinh năm 1966; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khóm C, phường V, thành phố Cần Thơ);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Danh T và bà Dương Mỹ H1:

+ Ông Lý A, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khóm C, phường V, thành phố Cần Thơ); có mặt.

+ Ông Trần Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số H, đường C, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là số H, Đường C, Khóm B, phường V, thành phố Cần Thơ); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Cần Thơ (trước đây là Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và Ủy ban nhân dân Phường B1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng); Địa chỉ: Đường C, Khóm A, phường V, thành phố Cần Thơ (trước đây là Đường C, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng P1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Văn bản số 274/UBND-NC ngày 24/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường V) (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Lý A, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khóm C, phường V, thành phố Cần Thơ); có mặt.

3. Bà Danh Thanh T1, sinh năm 1984; vắng mặt.

4. Ông Danh Minh T2, sinh năm 1986; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A, Khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Số A, khóm C, phường V, thành phố Cần Thơ).

- *Người kháng cáo:* Bà Châu Thị C và bà Châu Thị B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo trình bày của nguyên đơn là bà Châu Thị C và bà Châu Thị B:* Bà C, bà B là những người dân có nhà đất và mồ mả ông, bà, cha, mẹ tọa lạc tại khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Con đường đất đi vào khu vực này có chiều ngang 03m, vị trí giáp ranh giữa Khóm C và Khóm C đã tồn tại hơn 100 năm mà người dân thường gọi là con “đường Trâu” được người dân sử dụng chung để vận chuyển vật liệu xây dựng tôn tạo mồ mả và trái cây, củ quả... Tuy nhiên, khoảng 10 năm trước, gia đình ông Danh T, bà Dương Mỹ H1 đã tiến hành cắm cọc, rào dây chì chiếm 01m chiều rộng của con đường nên chỉ có xe nhỏ đi vào được; tiếp đó đến ngày 03/6/2022, ông T và bà H1 tiếp tục cắm 10 cọc xi măng cao 02m kéo dài ra hướng Bắc, chiếm hết con đường này. Không đồng ý với cách làm này, bà C và bà B khiếu nại tới chính quyền địa phương.

Ngày 26/8/2022, Ủy ban nhân dân Phường B1 phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V tiến hành đo đạc hiện trạng con đường ông Danh T rào lại. Tại Công văn số 891/CV-CNVC ngày 05/12/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V xác định: Diện tích đất mà ông Danh T đã rào chắn thuộc một phần thửa đất số 68, tờ bản đồ số 81 là con đường đất có diện tích 156,6m², mục đích sử dụng là đất giao thông, thuộc nhóm đất phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân phường Q; còn đối chiếu kết quả đo đạc thực tế ngày 26/8/2022 với Bản đồ địa chính và Hồ sơ địa chính lập từ năm 1992 - 1997 thì diện tích đất ông Danh T rào chắn là một phần đường đất giáp ranh giữa khóm C và khóm C, Phường B.

Ngày 17/03/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V tiếp tục ban hành Công văn số 185/CV-CNVC có nội dung: Đối chiếu với Bản đồ địa chính chính quy thì phần đất mà ông Danh T đã rào chắn thuộc một phần thửa đất số 68, tờ bản đồ số 81 là đường đất, mục đích sử dụng là đất giao thông, thuộc nhóm đất phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân phường quản lý, nhưng đối chiếu hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính thành lập năm (1992-1997), bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện đất ông Danh T rào chắn thuộc một phần thửa đất số 429, tờ bản đồ số 05 đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK917316 ngày 14/12/2007 cho bà Dương Mỹ H1 và ông Danh T trên cơ sở nhận thừa kế từ ông Dương Mui. Bà C và bà B cho rằng cả hai lần Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương M1 (lần 1) và bà Dương Mỹ H1, ông Danh T (lần 2) đều căn cứ vào bản đồ địa chính (còn gọi là bản đồ không ảnh chụp từ trên

cao) được thành lập năm 1992-1997 mà không tiến hành đo đạc thực tế nên diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa chính xác; hơn nữa, con đường là lối đi chung đã hình thành cách nay hơn 100 năm, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai. Vì vậy, bà C và bà B khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK917316 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 81913080468) ngày 14/12/2007 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Sóc Trăng đã cấp cho bà Dương Mỹ H1 và ông Danh T; buộc bà H1 và ông T phải tháo dỡ rào trả lại diện tích 156,6m² đất thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 68, tờ bản đồ số 81 theo bản đồ địa chính chính quy) để làm lối đi chung.

- Theo trình bày của bị đơn là ông Danh T và bà Dương Mỹ H1: Thửa đất số 429 có nguồn gốc của cha mẹ bà H1 là cụ Dương M1 (chết năm 2000) và cụ Tăng Thị C1 (chết năm 2011) tạo lập và sử dụng từ trước năm 1975; đến năm 1985, hai cụ tặng cho thửa đất này cho ông T, bà H1, sau này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007. Còn gia đình bà C là hộ sống liền kề, do trước đó sử dụng con đường đất của gia đình ông Trương Kèn S nhưng sau đó phát sinh tranh chấp nên ông S rào đất lại không cho sử dụng nữa, vì vậy gia đình bà C mới xin đi nhờ trên một phần diện tích đất của gia đình ông T đang sử dụng làm lối dẫn trâu đi cày. Sau đó, một số hộ phía sau nhà bà C cũng xin được đi nhờ trên lối đi chung này nhưng phải đi qua đất của gia đình bà C (có chiều dài khoảng 100m). Thời gian sau, do còn có một con đường đi khác đổ đal xi măng rộng 03m nên các hộ phía sau đất của bà C sử dụng con đường này để đi mà không đi bằng con đường của gia đình ông T nữa. Năm 2021, gia đình bà C xây dựng hàng rào bao quanh đất, xây cổng rào chắn phía trước lối đi vào nhà và cổng sau chắn lối đi sang đất nhà ông T hướng ra đường N.

Sau khi xây 02 cột xi măng và cổng phía giáp ranh liền kề với lối trâu đi trên đất của vợ chồng ông T, gia đình bà C tiếp tục đổ đá, xi măng chuẩn bị làm đường đá đi ra phía ngoài trên phần đất của gia đình ông T thì bị gia đình ông T ngăn cản với lý do không phải là đất công cộng. Khoảng tháng 6/2022, bà C và bà B khiếu nại thì được Ủy ban nhân dân Phường B1 giải quyết xác định lối đi này nằm trong thửa đất 429 của gia đình ông T. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T và bà H1 không đồng ý, đề nghị Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, bà B, đồng thời buộc nguyên đơn phải công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm và uy tín bị xâm phạm với số tiền là 36.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định (tóm tắt):

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị C và bà Châu Thị B đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc bà Dương Mỹ H1, ông Danh T phải tháo dỡ rào trả lại diện tích 156,6m²

(theo đo đạc thực tế 187,2m²) thuộc một phần thửa đất số 429, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng để làm đường đi chung.

2. Không chấp nhận phản tố của ông Danh T và bà Dương Mỹ H1 yêu cầu bà Châu Thị C, bà Châu Thị B phải công khai xin lỗi và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm và uy tín bị đơn bị xâm phạm với số tiền 36.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, bà Châu Thị C và bà Châu Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Châu Thị C và bà Châu Thị B do ông Đoàn Tấn P đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Nguồn gốc con đường đất đã hiện hữu từ hơn 100 năm được các hộ dân sử dụng làm lối đi công cộng, nhưng Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H1 bao gồm cả con đường này mà không đo đạc, ký giáp ranh thực tế là không đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ú trình bày: Nguồn gốc con đường đi hiện nay đang tranh chấp đã hình thành từ hơn 100 năm qua, được các hộ dân sử dụng chung để đất trâu đi cày nên gọi là đường Trâu; ông T, bà H1 cho rằng trước đây cho gia đình bà C, bà B mượn để đi nhờ nhưng không có chứng cứ chứng minh; việc Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H1 nhưng không tiến hành đo đạc thực tế nên đã không phát hiện ra con đường là lối đi chung là cấp không đúng đối tượng; các tài liệu lưu giữ địa chính thể hiện con đường đi là lối giao thông công cộng, nghĩa là do Nhà nước quản lý; việc sử dụng con đường này làm lối giao thông công cộng sẽ thuận tiện hơn so với việc sử dụng con đường hiện nay gia đình bà C đang đi nhờ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà C, bà B để sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Tấn P trình bày: Nhất trí với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C và bà B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lý A và ông Trần Nguyễn Hoàng M thống nhất trình bày: Bảo lưu toàn bộ ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và bổ sung ý kiến trong trường hợp con đường đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của Nhà nước thì bị đơn chấp hành theo quy

định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì có cơ sở xác định con đường đi hiện nay các bên đang tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông bà, cha mẹ của bà H1 và hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H1. Trên thực tế, ngoài con đường đi này, còn có đường đi khác dẫn vào khu đất của bà C, bà B nên không thuộc trường hợp phải mở lối đi chung theo Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Châu Thị C và bà Châu Thị B được nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự vắng mặt nhưng thuộc trường hợp đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Châu Thị C và bà Châu Thị B do ông Đoàn Tấn P đại diện như sau:

[3.1] Đất tranh chấp là con đường có diện tích 156,6m² thuộc một phần của thửa đất số 429, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK917316 ngày 14/12/2007 cho bà Dương Mỹ H1 và ông Danh T trên cơ sở nhận thừa kế từ ông Dương Mui .

[3.2] Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Châu Thị C và bà Châu Thị B cho rằng diện tích đất nêu trên là lối đi chung đã tồn tại trên 100 năm nhưng hiện nay đã bị bà Dương Mỹ H1 và ông Danh T ngăn cản sử dụng bằng việc rào chắn con đường lại nên khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào, trả lại con đường đi chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp sai đối tượng. Tuy nhiên, về phía bà H1 và ông T thì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà cho rằng con đường đi trên có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ để lại và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp; gia đình bà Chăm chỉ là một trong nhiều hộ gia đình đi nhờ trên đất của gia đình bà H1, ông T; từ đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C và bà B. Như vậy, lời khai của các bên đương sự về nguồn gốc đất có sự mâu thuẫn và không thống nhất.

[3.3] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Báo cáo số 01/BC-TKT ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tổ Kiểm tra Ủy ban nhân dân thị xã V về việc xác minh nguồn gốc đất của những người làm chứng thể hiện như sau: Ông Sơn Minh T3 (nguyên là cán bộ phụ trách khối nông nghiệp Phường B), ông Thạch Quách T4 (nguyên là cán bộ phụ trách giao thông, thủy lợi Phường B), ông Thạch D, ông Sơn C2 (là người sống tại khu vực lân cận đất tranh chấp), ông Thạch Phước A1 (Trưởng ban N) cùng thống nhất trình bày phần diện tích đất mà ông T rào chắn lại có nguồn gốc của cụ C3 khai phá sau đó để lại cho vợ chồng cụ Dương M1 (cha mẹ của bà H1) sử dụng; hai cụ sử dụng một thời gian thì tặng cho lại vợ chồng người con gái là bà H1, ông T. Đối với con đường đi đã hình thành từ khi cụ C3 còn sống được sử dụng cho trâu bò đi kéo lúa nên được gọi là đường Trâu. Ngoài ra, vào dịp Thanh M2 còn có một số người đi qua con đường này để vào tảo mộ. Qua xác minh thực tế, con đường này không thuộc quyền quản lý của Nhà nước và cũng không phải là lối đi duy nhất, mà bên cạnh đó còn có tuyến đường chính đi qua nhà sinh hoạt cộng đồng khóm C A dài khoảng 120m đến đường đal rộng 03m đi đến phòng thuốc nam, sau chùa N1 đi ra Quốc lộ N khoảng 170m. Như vậy, có cơ sở xác định con đường đất đã hình thành từ lâu đời, được một số hộ dân sử dụng trong đó có gia đình bà C, bà B nhưng có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ để lại cho bà H1 và ông Thông sử D1 và không phải là lối đi duy nhất dẫn vào đất của nguyên đơn.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/12/2007, Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp cho ông Danh T, bà Dương Mỹ H1 diện tích 2.963,2m² (đất ở là 174m² + CLN 2.789,2m²) thuộc thửa đất 429, tờ bản đồ số 5, trong đó có con đường đi trên. Tại Trích lục bản đồ thửa 249 thể hiện hướng đông giáp với ấp C. Tại Công văn số 185/CV-CNCV ngày 17/3/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V xác định trình tự,

thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1, ông T được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Như vậy, xét về mặt pháp lý cũng như nguồn gốc, thực tế quá trình sử dụng đất thì gia đình ông T, bà H1 hiện nay đang là chủ sử dụng hợp pháp đối với con đường đi nêu trên; do đó, bà C, bà B khởi kiện yêu cầu ông T, bà H1 phải trả lại con đường để làm lối đi chung là không có cơ sở. Bên cạnh đó, hiện trạng con đường đất hiện nay không còn là đường mòn vì đã được gia đình ông T, bà H1 rào lại và quản lý, sử dụng trồng một số cây hoa màu từ năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án, bà C và bà B đều thừa nhận sau khi ông T, bà H1 rào con đường đi, hai bà phải đi nhờ trên phần đất của người khác hoặc đi trên phần lối đi đường đal còn lại ra hướng Nhà văn hóa (hướng chùa N1) do Nhà nước mở, tuy nhiên cho rằng con đường này không thuận tiện cho việc vận chuyển trái cây, hoa màu ra đường chính. Điều này cho thấy gia đình của bà C, bà B còn có lối đi khác nên không thuộc trường hợp bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng. Do đó, việc bà C, bà B khởi kiện yêu cầu mở lối đi chung không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm trình bày của Người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận; đối với đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể là bà Châu Thị C và bà Châu Thị B, mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà C và bà B chịu 300.000 đồng là không đúng quy định trên nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này nên Tòa án cấp phúc thẩm vẫn giữ nguyên và rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Châu Thị C và bà Châu Thị B phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo bà Châu Thị C và bà Châu Thị B; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Áp dụng các điều 254, 584, 585, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị C và bà Châu Thị B đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc bà Dương Mỹ H1, ông Danh T phải tháo dỡ bờ rào trả lại diện tích 156,6m² (theo đo đạc thực tế 187,2m²) thuộc một phần thửa đất số 429, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng để làm đường đi chung.

2. Không chấp nhận phản tố của ông Danh T và bà Dương Mỹ H1 yêu cầu bà Châu Thị C, bà Châu Thị B phải công khai xin lỗi và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm và uy tín bị đơn bị xâm phạm với số tiền 36.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí thẩm định, định giá: Bà Châu Thị C và bà Châu Thị B phải chịu 23.990.000 đồng. Bà C và bà B đã nộp đủ.

- Chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Danh T tự nguyện chịu 15.885.500 đồng và đã nộp đủ.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị C và bà Châu Thị B phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã tạm ứng theo 02 Biên lai thu số 0009379 và Biên lai thu số 0009380 cùng ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Bà Châu Thị B và bà Châu Thị C, mỗi người được nhận lại 150.000 đồng.

Ông Danh T và bà Dương Mỹ H1 không phải chịu. Bà Dương Mỹ H1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0012101 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Châu Thị C và bà Châu Thị B, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0009719 và Biên lai thu số 0009720 cùng ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- VCTVKSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường